TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29-5-2019
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Tự;

2. Bà Nguyễn Ngọc Phương.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Tuyết Mai - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện D.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Huyện D tham gia phiên toà**:* Ông Phan Thanh Nhã - Kiểm sát Viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm: 1987. Địa chỉ : Tổ 12 ấp N, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Tạm trú : Ấp Ấp NP, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Hà Văn T, sinh năm: 1985. Địa chỉ : Tổ 12 ấp N, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Tạm trú : Ấp Ấp NP, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21-01-2019 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

Chị và anh Hà Văn T chung sống vào năm 2008, tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H. Vợ chồng sống hạnh phúc khoảng đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn là do anh T thường xuyên đánh bài trên mạng ăn thua bằng tiền, sự việc do chị phát hiện facebook

của anh T có nạp tiền trên máy điện thoại. Chị có khuyên anh T nhiều lần nhưng anh T không nghe, vợ chồng có cãi vả nhưng không đánh nhau lần nào. Ngoài ra anh T có bồ nhưng chị không bắt gặp quả tang chỉ phát hiện trên điện thoại của anh T có nhiều tin nhắn với người phụ nữ khác trên mức bạn bè.Vợ chồng không sống ly thân, anh T đi bỏ cà phê khoảng 10 (mười) ngày về nhà một lần. Về hôn nhân: Chị xác định tình cảm không còn, hôn nhân không thể tiếp tục nên yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 (hai) con tên Hà Thủy T, sinh năm: 2011; Hà Chấn P, sinh năm: 2016 hiện đang sống chung vợ chồng. Nếu ly hôn chị yêu cầu nuôi 02 (hai) con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con vì chị đủ điều kiện nuôi con đến trưởng thành tự lao động sinh sống được.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Toàn án giải quyết.

Bị đơn anh Hà Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vẫn cố tình vắng mặt nên không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu phát biểu ý kiến*:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Tại Tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, không vi phạm về tố tụng.

Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia giải quyết vụ án cũng như tại Tòa hôm nay nhưng vẫn vắng mặt không lý do, xem như từ chối quyền và nghĩa vụ của mình. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử :

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc D đối với anh Hà Văn T.

2. Về con chung: Giao chị D tiếp tục nuôi dưỡng 02 (hai) con, chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị D không yêu cầu giải quyết nên ghi nhận.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị D phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt các thủ tục tố tụng đối với bị đơn anh Hà Văn T theo đúng quy định pháp luật nhưng đến giờ này anh T vẫn vắng mặt, xem như anh T từ bỏ quyền yêu cầu của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của chị D, xét lời trình bày của chị D xác định chị và anh T tự nguyện chung sống vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Tây, huyện Hòa Thành và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20-6-2008 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp theo đúng quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về hôn nhân: Quá trình giải quyết và tại Tòa hôm nay, chị D giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh T. Xét thấy: Chị D và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008. Quá trình chung sống, chị D nhận thấy anh T không quan tâm gia đình, thường xuyên đánh bài ăn thua bằng tiền, chị khuyên anh T không nghe. Ngoài ra, anh T còn có người phụ nữ khác do trong điện thoại anh T có nhiều tin nhắn của người phụ nữ trên mức bạn bè. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, sống không hạnh phúc.

Qua xác minh những người cùng xóm, xác định chị D anh T sống thường xuyên gây gỗ cải vã, anh T không quan tâm chăm sóc gia đình.

Xét thấy, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D là có căn cứ.

[4] Về con chung: Từ trước đến nay, hai cháu sống với chị D, hai cháu khỏe mạnh, vẫn đi học và phát triển bình thường. Hơn nữa, quá trình làm việc nguyện vọng của cháu Tiên yêu cầu sống với chị D. Do đó, giao chị D tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu là có cơ sở phù hợp pháp luật.

Quá trình giải quyết và tại Tòa hôm nay, chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu giải quyết nên ghi nhận.

[6] Về án phí: Chị D phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Hà Văn T. Chị D và anh T không còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

2. Về con chung: Giao chị D tiếp tục nuôi dưỡng 02 (hai) con tên Hà Thủy T, sinh năm: 2011; Hà Chấn P, sinh năm: 2016. Ghi nhận: Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng là tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp theo biên lai thu số 0011378 ngày 25-01-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh; chị D đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Chị D có mặt tại Toà được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh T vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện D;
- Chi cục THADS Huyện D;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đào Thị Hiền